

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 42/2018/HS-ST
Ngày 11 tháng 4 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phùng Đình Bàn,
- Bà Nguyễn Thị Thúy Nga.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Quang Đại- Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên
tòa:*** Bà Hà Thị Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2018/HS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 36/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2018, đối với bị cáo:

Bùi Văn Đ, sinh ngày 08/02/1991 tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Xuân C và bà Hoàng Thị L; vợ là Vũ Thị Minh T và có 01 con (sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người bị hại: Chị Trần Thị H, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Xuân C, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn Đ là công nhân của Công ty Partron Vina thuộc khu công nghiệp Khai Quang, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Trong thời gian làm việc Đ được sử dụng 01 tủ đựng đồ cá nhân kèm 01 chìa khóa nên Đ đánh thêm 01 chìa khóa dự phòng. Khoảng tháng 11/2017, Đ đổi tủ đồ cho chị Trần Thị H là công nhân làm cùng Công ty và giữ lại chìa khóa dự phòng. Biết chị H để chìa khóa xe máy trong tủ cá nhân và để vé xe trong cốp xe máy. Do chơi bởi nợ nần,

Đ nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền trả nợ. Khoảng giữa tháng 12/2017, Đ dùng chìa khóa dự phòng mở tủ của chị H lấy trộm chìa khóa xe máy, thuê anh Lê Tuấn A, sinh năm 1985 ở tổ dân phố M, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc đánh thêm 01 chìa khóa xe máy, sau đó Đ mang chìa khóa xe máy của chị H trả về tủ như cũ, còn chìa khóa xe máy làm thêm Đ giữ lại để khi nào có cơ hội sẽ trộm cắp xe máy của chị H.

Khoảng 16 giờ ngày 27/12/2017, Đ nghỉ làm trước dùng chìa khóa dự phòng mở tủ đồ của chị H lấy chìa khóa xe máy nhãn hiệu Honda Airblade BKS 88D1-287.2X ra nhà để xe, dùng chìa khóa mở khóa từ, khóa điện và mở sẵn cốp xe và cắm chìa khóa xe máy Đ đã đánh thêm vào ổ khóa. Đ quay vào trả chìa khóa trong tủ để đồ cá nhân của chị H. Chờ hết giờ làm việc, Đ dắt xe máy của chị H ra cổng, lấy vé xe trong cốp và mở cốp xe cho bảo vệ kiểm tra rồi dắt xe ra ngoài nổ máy đi thẳng về nhà ở Thôn K, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Khi về đến nhà, Đ có gặp ông Bùi Xuân C (là bố đẻ của Đ), ông C hỏi Đ là xe máy của ai thì Đ nói là xe mượn của bạn, nên ông C không hỏi thêm. Đ kiểm tra trong cốp xe máy có 02 mũ bảo hiểm loại nửa đầu, 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 thẻ ATM của ngân hàng BIDV đều mang tên Trần Thị H và số tiền 100.000,đ tiền mặt. Đ dùng cờ lê 10 tháo biển số xe và gương chiếu hậu cắt vào trong cốp xe rồi đi xe máy sang nhà anh Bùi Văn T, (là chú ruột của Đ) ở cùng thôn cắt giấu.

Ngày 28/12/2017, anh Bùi Văn T giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 xe máy nhãn hiệu Airblade màu đỏ đen, xe không gắn biển kiểm soát, không có 02 gương chiếu hậu; 02 mũ bảo hiểm nửa đầu màu đỏ, đen; 01 BKS 88D1-287.2X đã tháo dùi; 01 gương chiếu hậu nhỏ màu đỏ; 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế và 01 thẻ rút tiền BIDV mang tên Trần Thị H. Ông Bùi Xuân C giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chìa khóa xe mô tô, 01 cờ lê cỡ số 10 bằng kim loại. Anh Nguyễn Văn Đ giao nộp 01 vé gửi xe máy số 157 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Partron Vina- vé xe máy xưởng 5.

Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐG ngày 05/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Yên kết luận: 01 xe máy Airblade, màu sơn: đỏ-đen, BKS 88D1-287.2X xe đã qua sử dụng trị giá 30.000.000,đ.

Tại Cáo trạng số 39/CT-VKSTP.VY ngày 26/3/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên truy tố bị cáo Bùi Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại Cơ quan điều tra và phiên tòa, bị cáo Bùi Văn Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra khai nhận phù hợp với nội dung nêu trên (từ bút lục 47 đến bút lục 53).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Xuân C tại phiên tòa trình bày như nội dung liên quan nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt bị cáo Bùi Văn Đ từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng; áp dụng khoản 1 điều 41, khoản 1 điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả cho chị Trần Thị H xe máy Honda Airblade màu đỏ đen, BKS 88D1-287.2X đã qua sử dụng và các tài sản khác như biên bản thu giữ là hợp pháp. Xác nhận Bùi Văn Đ đã tự nguyện khắc phục hậu quả bồi thường cho chị Trần Thị H số tiền 100.000,đ là hợp pháp. Tịch thu tiêu hủy: 01 chìa khóa xe máy, 01 vé xe số 157 và 01 cờ lê 10 màu trắng mà Bùi Văn Đ sử dụng vào việc phạm tội.

Bị cáo không bào chữa và tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Bùi Văn Đ tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 16 giờ ngày 27/12/2017 tại Công ty Partron Vina thuộc phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chị Trần Thị H, Bùi Văn Đ lén lút trộm cắp 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, sơn màu đen xe đã qua sử dụng, biển số Đ ký 88D1-287.2X giá trị 30.000.000,đ và 100.000,đ tiền mặt cùng một số giấy tờ cá nhân của chị H. Tổng giá trị tài sản Đ chiếm đoạt là 30.100.000,đ.

Hành vi nêu trên của bị cáo Bùi Văn Đ đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), có khung hình phạt tù đến 03 năm.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, làm nhân dân lên án và bất bình. Do đó, cần phải xử lý thật nghiêm minh nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 2009 có mức cao nhất của khung hình phạt tù đến 3 năm nên theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Bộ luật Hình sự năm 2009 thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm ít nghiêm trọng.

Do không có tiền tiêu xài cá nhân, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chị H, bị cáo Đ đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp xe máy của chị H mang đi cất giấu thì bị phát hiện bắt giữ. Tuy nhiên trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi cư trú ổn định. Do đó, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhưng cho hưởng án treo để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt có xem xét đến tình tiết: “Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “Tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả” “Phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3] Đối với người có liên quan và hành vi có liên quan trong vụ án: Ông Bùi Xuân C là bố đẻ của bị cáo Đ và anh Bùi Văn T là chú ruột của bị cáo Đ có biết việc Đ đi chiếc xe máy BKS 88D1-287.2X về nhà, ông C và anh T hỏi thì Đ bảo mượn của bạn, ông C và anh T không biết là xe máy do Đ trộm cắp. Anh Lê Tuấn A là người đánh chìa khóa xe máy cho Đ, nhưng anh Lê Tuấn A không biết mục đích Đ đánh chìa khóa xe để đi trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với những người và hành vi nêu trên là có căn cứ.

[4] Trách nhiệm dân sự: Ngày 05/02/2018, Cơ quan điều tra Công an thành phố Vĩnh Yên trả lại cho chị Trần Thị H 01 xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen BKS 88D1-287.24, 02 mũ bảo hiểm loại nửa đầu, 01 chứng minh nhân dân, 01 gương chiếu hậu màu đỏ, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 thẻ ATM của Ngân hàng BIDV mang tên Trần Thị H, chị H đã nhận lại toàn bộ tài sản và số tiền 100.000,đ do Đ bồi thường và không yêu cầu bồi thường gì về dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về vật chứng: 01 chìa khóa xe máy của Bùi Văn Đ, 01 vé xe số 157 tài sản của Công ty Partron Vina và 01 cờ lê 10 màu trắng là tài sản của ông Bùi Xuân C mà Bùi Văn Đ sử dụng vào việc phạm tội. Công ty Partron Vina và ông

Bùi Xuân C không yêu cầu nhận lại, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138, điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt bị cáo Bùi Văn Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Trộm cắp tài sản”. Giao bị cáo Đ cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

(Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự).

Căn cứ khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 vé xe số 157 của Công ty Partron Vina và 01 cờ lê số 10 bằng kim loại của ông Bùi Xuân C, 01 chìa khóa xe mô tô của Đ sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng. (Đặc điểm tang vật như Biên bản bàn giao vật chứng ngày 26/3/2018).

Căn cứ Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Bùi Văn Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- Công an thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục thi hành án Vĩnh Yên;
- UBND xã Đc, huyện S;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Phan Thị Lý